

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**
Số: 08/2019/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trảng Bom, ngày 28 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Bá Diễm.

- Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Tấn Phát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên họp:
Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2019/TLST-VDS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “ Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 18/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Hoàng Vĩnh S, sinh năm 1957; Trú tại: Tổ 10, ấp 7, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: bà Lê Thị Phương O, sinh năm 1994; Trú tại: khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ông Hoàng Vĩnh S trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1957) chung sống với nhau từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông, bà cư trú tại tổ 10, ấp 7, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, ông, bà sinh được 02 người con là Hoàng Lộc A, sinh ngày 14/8/1983 và Hoàng Lộc D, sinh ngày 14/12/1990. Đến năm 1990 (ngày, tháng cụ thể ông không nhớ), do mâu thuẫn vợ chồng nên bà H bỏ đi, không biết đi đâu. Ông đã tìm kiếm nhưng đến nay cũng không có tin tức gì của bà H. Do vậy ông yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H mất tích để ông làm thủ tục ly hôn với bà H.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng và các quy định của pháp luật về việc giải quyết việc dân sự “ Tuyên bố một người mất tích”. Yêu cầu của ông S là hợp pháp và có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông S, tuyên bố bà Nguyễn Thị H mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom nhận định:

[1] Ông S đã cung cấp cho Tòa án tài liệu là bản sao giấy khai sinh của anh Hoàng Lộc A và anh Hoàng Lộc D, trong đó ghi cha của các anh là ông Hoàng Vĩnh S, mẹ của các anh là Nguyễn Thị H và cùng cư trú tại ấp G, xã T 1, nay thuộc ấp 7, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, ông S và bà H chung sống như vợ chồng và mục đích ông S yêu cầu giải quyết việc dân sự này là để làm thủ tục ly hôn với bà H là có căn cứ. Tại “Đơn đề nghị” của ông S, được Ban ấp và Công an xã S xác nhận “ Bà Nguyễn Thị H chung sống với ông Hoàng Vĩnh S từ năm 1983 đến năm 1990 thì bỏ đi biệt tích, không biết bỏ đi đâu, không rõ địa chỉ cư trú là đúng sự thật. Trước khi rời khỏi địa phương, ông, bà sống tại ấp 7, xã S”. Do đó, ông S có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H mất tích và Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết yêu cầu này của ông S.

[2] Do không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng (ngày bà H bỏ đi khỏi nơi cư trú) nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật dân sự thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng. Như vậy ngày có tin tức cuối cùng của bà H là ngày 01/01/1991.

[3] Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã ra Quyết định số 06/2019/QĐVDS-ST ngày 09/01/2019 thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà H. Nội dung thông báo này đã được đăng trên báo Nhân dân vào các ngày 26, 27, 28 tháng 01 năm 2019 và phát thanh trên Đài Tiếng Nói Việt Nam vào các ngày 29, 30, 31 tháng 01 năm 2019 đồng thời đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao; Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày đăng, phát đầu tiên là ngày 26/01/2019, tính đến nay đã quá 04 tháng và tính từ ngày bà H bỏ đi biệt tích (từ ngày 01/01/1991) đến nay là đã trên 02 năm mà không có tin tức xác thực về việc bà H còn sống hay đã chết. Do vậy yêu cầu của ông S về việc tuyên bố bà H mất tích là có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 68 của Bộ luật dân sự và các Điều: 27, 149, 370, 371, 372, 389 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Vĩnh S;

Tuyên bố: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: ấp 7, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai mất tích kể từ ngày 01/01/1991.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Hoàng Vĩnh S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí mà ông S đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 001155 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Như vậy, ông S đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trảng Bom, Đồng Nai;
- Người yêu cầu;
- UBND xã S, huyện T, Đồng Nai;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ giải quyết việc dân sự.

Bùi Bá Diễn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện TH Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”.

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm.....).

- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
- (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).
- (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
- (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
- (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- (24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”